TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**42**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08- 7 - 2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quang Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Long
Bà Phạm Thị Lan

Thư ký phiên tòa: ông Phạm Việt Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất ghi biên bản phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: ông Đinh Ngọc Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:153/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 73/2022/QĐST-DS ngày 15/6/2022 giữa:

- ***Nguyên đơn***: chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm: 1987
Địa chỉ: số 02/..., ấp Ng H, xã Q Tr, huyện Th Nh, tỉnh Đồng Nai.
Nơi cư trú: D5/... ấp L L , xã Q Tr, huyện Th Nh, tỉnh Đồng Nai.
- **Bị đơn**: Anh Trịnh Quang C, sinh năm: 1982
HKTT: số 88/..., ấp B L, xã G T, huyện Th Nh, tinh Đồng Nai.
Nơi cư trú: số 88/..., ấp Đ L , xã G T, huyện Th Nh, tỉnh Đồng Nai.
(chị H, anh C vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 28/12/2021,đơn bổ sung ngày 18/02/2022 lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày*:

- ***Về quan hệ hôn nhân***: Chị H và anh C quen biết, tìm hiểu yêu thương nhau và tự nguyện kết hôn được UBND xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/7/2011. Đây là hôn nhân lần thứ nhất của chị H.

Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đầm ấm đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, bất hòa nguyên nhân do anh C ham chơi cờ bạc và không lo làm ăn dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh C còn mang nợ về cho vợ con, nhiều lần chị H còn phải trả nợ thay cho anh C.

Từ năm 2019 chị H về nhà ngoại, thỉnh thoảng chị cũng về nhà nội nhưng từ năm 2020 chị mang con về nhà ngoại sống đến nay, vợ chồng sống ly thân, kể từ đó đến nay vợ chồng không quan tâm đến nhau, mạnh ai người đó sống, chị H không đồng ý về đoàn tụ gia đình.

Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh C nên chị yêu cầu ly hôn với anh Trịnh Quang C.

- ***Về con chung***: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trịnh Nguyễn Minh A, sinh ngày: 01/01/2003; Trịnh Nguyễn Minh T, sinh ngày 09/3/2016 cả hai con chung đang sống chung vơi chị H.

Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung. Tạm thời chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, nhà ngoại chị tạo điều kiện cho chị nuôi con tốt.

Hiện nay chị H phụ mẹ chị buôn bán, thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 8.000.000đ (tám triệu đồng) đủ khả năng nuôi dưỡng con chung.

- ***Về tài sản chung:*** Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về nợ chung:*** Vợ chồng chung sống không có nợ chung.

- ***Về nợ riêng:*** Không có.

* Bị đơn anh Trịnh Quang C vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và tài liệu, chứng cứ về yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim H.

* Theo biên bản xác minh ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xác minh tại trụ sở ban ấp Đức Long 1, xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Kim H và anh Trịnh Quang C. Qua xác minh ông Nguyễn Quốc Huy – trưởng ấp Đức Long 1, xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất cho biết ban ấp không năm được nguyên nhân, lý do mâu thuẫn vợ chồng của chị H, anh C vì ban ấp không nhận được đơn yêu cầu hòa giải của chị H và anh C.

Ban ấp chỉ nắm được anh C hiện nay đang sinh sống, cư trú tại địa chỉ 88/, ấp Đ L , xã Gi T , huyện Thống Nhất được khoảng hơn một năm nay, ban ấp chỉ thấy anh C sinh sống và buôn bán cùng gia đình anh C mà không sống với chị H.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Nguyên đơn, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết tranh chấp: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H; về con chung: Hiện 02 con chung đang sinh sống và được bà H nuôi dưỡng nên đề nghị HĐXX giao cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, bà H Tạm thời không yêu cầu ông C cấp dưỡng nên không xem xét; Về chia tài sản không đặt ra xem xét; bà H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Trịnh Quang C có nơi cư trú tại huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] anh Trịnh Quang C đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

Chị Nguyễn Thị Kim H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về nội dung:

[2.1] chị H, anh C tự nguyện xây dựng gia đình vào năm 2011, có đăng ký kết hôn, đáp ứng điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9, Điều 11 và Điều 12 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định, nên xác định hôn nhân giữa chị H và anh C là hợp pháp.

[2.2] Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh C không đến Tòa án làm việc cũng như không cung cấp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Tuy nhiên căn cứ vào kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, lời khai của chị H đủ cơ sở xác định trong quá trình chung sống, chị H và anh C có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng trong đời sống vợ chồng, từ khoảng năm 2020 đến nay vợ chồng không sống chung nhà với nhau, không quan tâm, yêu thương nhau, việc ai nấy làm. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành thông báo, triệu tập anh C đến Tòa để hòa giải đoàn tụ theo quy định nhưng anh C không đến Tòa làm việc, qua đó thể

hiện việc anh C không quyết tâm bảo vệ quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị H. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa chị H và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H, cho ly hôn giữa chị H và anh C.

[2.3] Về con Chung: vợ chồng chị H, anh C có 02 con chung là cháu Trịnh Nguyễn Minh Anh, sinh ngày: 01/01/2013; Trịnh Nguyễn Minh Trân, sinh ngày 09/3/2016 cả hai con chung đang sống chung với chị H. Nhằm ổn định cuộc sống của con trẻ cần tiếp tục giao cho chị H được tiếp tục, trực tiếp nuôi hai con là hợp lý và phù hợp với nguyện vọng của hai cháu.Tạm thời chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xét.

[2.4] Về tài sản: Không có ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.5] Về nợ chung, nợ riêng: Không có.

[3] chị H là nguyên đơn trong vụ án này nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 và Điều 12 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim H, về việc "Ly hôn tranh chấp nuôi con khi ly hôn" với anh Trịnh Quang C.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim H và anh Trịnh Quang C.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Kim H được trực tiếp, tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu Trịnh Nguyễn Minh A – sinh

ngày 01/01/2013; Trịnh Nguyễn Minh T – sinh ngày 09/3/2016. Tạm thời chị H chưa yêu cầu anh C góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về nghĩa vụ tài sản: đương sự khai không có.

5. Về nghĩa vụ chịu án phí: chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003444 ngày 29/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị Nguyễn Thị Kim H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị Kim H, anh Trịnh Quang C được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Bản án được cấp, tống đạt hoặc được niêm yết theo quy định.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- TAND T. Đồng Nai;
- VKSND H. Thống Nhất;
- Chi cục THADS H.Thống Nhất;
- UBND xã Gia Tân 2, H Thống Nhất.
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đặng Quang Phúc